

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 416/2025/HC-PT

Ngày 14 tháng 4 năm 2025

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 886/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 372/2024/HC-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 406/2025/QĐPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1972 (có mặt);

2. Bà Trương Thị Tuyết S, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: H H, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Tuyết S: Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: H H, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trương Công S1 – Công ty L1 (có mặt)

Địa chỉ: H P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng

- Người bị kiện:

1. Cục trưởng Cục thuế Thành phố H (nay là Chi cục Trưởng Chi cục thuế khu vực I)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Minh G – Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực I (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Huỳnh Văn T (có mặt)

Ông Phạm Anh D (có mặt)

Ông Phan Đình T1 (có mặt)

Cùng địa chỉ: F V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chi cục trưởng Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội trưởng Đội Thuế liên huyện Q H)

3. Chi cục Thuế khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Kiều O – Đội Phó Đội Thuế liên huyện Q H (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Trương Khánh C1 (có mặt)

Ông Nguyễn Minh T2 (có mặt)

Ông Đồ Thanh C2 (có mặt)

Cùng địa chỉ: B N, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S do ông Nguyễn Huy C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 23/05/2019, vợ chồng ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S được Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C0 545057 (số vào sổ cấp GCN: CH 16624) đối với thửa đất số 656, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.520,5m² (trong đó: 200m² đất ở và 2.320,5m² đất trồng cây hàng năm khác), địa chỉ tại Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là “Thửa đất số 656”).

Ngày 25/07/2019, ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S nộp hồ sơ đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất là 1.617,8m² của Thửa đất số 656 từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại đô thị theo Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận số 26767.120.19.034124 của Phòng T5.

Theo đó, ngày 09/08/2019, Ủy ban nhân dân Quận A đã ban hành Quyết định số 5102/QĐ-UBND về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị đối với 1.617,8m² đất của Thửa đất số 656.

Ngày 16/08/2019, Chi nhánh Văn phòng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 34124/PC-CNQ12 đề ngày 15/08/2019 đến Chi cục I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/08/2019, Chi cục I đã ra Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB1970123-TK0050782/TB-CCT với số tiền ông C, bà S phải nộp là 18.855.459 VNĐ và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970123-TK0050783/TB-CCT với số tiền ông C, bà S phải nộp là 3.859.909.020 VNĐ.

Ngày 20/08/2019, ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S đã nộp số tiền lệ phí trước bạ nhà, đất là 18.855.459 VNĐ và ghi nợ tiền sử dụng đất (3.859.909.020 VNĐ).

Ngày 11/10/2019, ông C, bà S nộp hồ sơ đăng ký tách thửa đất số 656 thành 15 thửa đất tại Chi nhánh Văn phòng Đ.

Ngày 22/11/2019, ông C, bà S đã thanh toán xong khoản nợ tiền sử dụng đất là 3.859.909.020 VNĐ (số tiền thực tế nộp sau khi giảm trừ do thanh toán trước hạn là 3.491.472.773 VNĐ).

Cùng ngày 22/11/2019, Chi cục I đã gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Quận 12 Phiếu báo số LTB1970123-HS0018074/PB-CCT về việc xác nhận ông C, bà S đã nộp đầy đủ các khoản tiền lệ phí trước bạ nhà, đất là 18.855.459 VNĐ và tiền sử dụng đất là 3.491.472.773 VNĐ. Sau đó, ông C, bà S đã chuyển nhượng, tặng cho 09 thửa đất, còn lại 06 thửa đất.

Tuy nhiên, vào tháng 03/2022, ông C, bà S lại bất ngờ nhận được Công văn số 2299/CCT-TB&TK ngày 27/08/2020 của Chi cục I khu vực Quận A - Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chưa nộp bổ sung tiền sử dụng đất khi áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 01/08/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, có hiệu lực từ ngày 12/08/2019.

Ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S không đồng ý về việc phải nộp thêm khoản tiền sử dụng đất bổ sung là 1.403.603.280 VNĐ (một tỷ bốn trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn hai trăm tám mươi đồng) theo yêu cầu của Chi cục I, bởi vì ông bà đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất số 656 từ năm 2019. Vì vậy, ngày 18/05/2022, ông C, bà S đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận A, Văn phòng Đ chi nhánh Q và Chi cục I.

Theo đó, ngày 29/09/2022, Chi cục I đã giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN về việc giải quyết khiếu nại của ông C, bà S (lần đầu) với kết luận nội dung khiếu nại của ông C, bà S là sai toàn bộ, nên không chấp nhận khiếu nại của ông C, bà S.

Vì không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nêu trên, nên ngày 17/10/2022, ông C, bà S đã tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lần hai đến Cục Thuế Thành phố H.

Ngày 05/09/2023, Cục Thuế Thành phố H đã giải quyết khiếu nại lần hai và ban hành Quyết định số 50/QĐ-CT-KN về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy C (lần hai) với quyết định: “Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại của ông L (lần đầu) số 07/QĐ-CCT-KN ngày 22/09/2022, Quyết định giải quyết khiếu nại của ông C, bà S (lần đầu) số 08/QĐ-CCT-KN

ngày 29/09/2022 của Chi cục I. Yêu cầu người khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Thông báo nộp bổ sung tiền sử dụng đất số 18805/TB-CCTKVQ12HM ngày 02/11/2021, Thông báo nộp bổ sung tiền sử dụng đất số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/05/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại của ông L (lần đầu) số 07/QĐ-CCT-KN ngày 22/09/2022, Quyết định giải quyết khiếu nại của ông C, bà S (lần đầu) số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/09/2022 của Chi cục I”.

Các quyết định hành chính nêu trên là không đúng với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà S. Ông bà không đồng ý về việc phải nộp thêm khoản tiền sử dụng đất bổ sung là 1.403.603.280 VNĐ (một tỷ, bốn trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn, hai trăm tám mươi đồng Việt Nam) nên ông C, bà S yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ các quyết định hành chính nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, bởi lẽ:

Thứ nhất, Chi cục I đã xác định sai đối tượng nộp tiền sử dụng đất, dẫn đến việc xác định thời điểm tính thu tiền sử dụng đất không đúng:

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013, thì căn cứ để tính tiền sử dụng đất dựa trên một trong các trường hợp:

- + Đất được giao;
- + Đất được chuyển mục đích sử dụng;
- + Đất được công nhận quyền sử dụng đất.

Chi cục I đã căn cứ khoản 41 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ: *“Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp công nhận quyền sử dụng đất là thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế”*, theo đó xác định thời điểm tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp của ông C, bà S là ngày Chi cục I nhận được Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính (ngày 16/08/2019) là không chính xác, bởi vì ông C, bà S thuộc trường hợp được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở theo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất số 5102 của Ủy ban nhân dân Quận A, chứ không phải trường hợp được công nhận quyền sử dụng đất.

Tại Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB1970123-TK0050783-1/TB-CCT ngày 23/05/2022 của Chi cục I cũng xác định: *“Hình thức sử dụng đất: Hộ gia đình, cá nhân chuyển từ đất nông nghiệp được Nhà nước giao không thu TSDĐ sang đất ở”*.

Như vậy, Chi cục I đã xác định sai đối tượng nộp tiền sử dụng đất đối với trường hợp của ông C, bà S là trường hợp được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, chứ không phải trường hợp được công nhận quyền sử dụng đất, dẫn đến việc xác định thời điểm tính thu tiền sử dụng đất không đúng.

Thứ hai, thời điểm để tính thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật là thời điểm Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất số 5102:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013, thì: *“Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định*

giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất”.

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, thì: *“Chuyển từ đất nông nghiệp được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất sang đất ở thì thu tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.*

Ngoài ra, mục b.1 điểm b khoản 6 Điều 10 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý T3 cũng quy định rằng: *“Ngày phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước được xác định đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất là ngày quyết định giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.*

Ngày 09/08/2019, Ủy ban nhân dân Quận A đã ban hành Quyết định số 5102/QĐ-UBND về việc cho phép ông C, bà S được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị (ODT), với diện tích là 1617,8m² của Thửa đất số 656.

Căn cứ các quy định nêu trên thì thời điểm tính thu tiền sử dụng đất sẽ là ngày 09/08/2019, có nghĩa là trước ngày 12/08/2019 là ngày Quyết định số 18 có hiệu lực thi hành. Vì vậy, việc Chi cục I áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 theo Quyết định số 18, để yêu cầu ông C, bà S phải nộp thêm khoản tiền sử dụng đất bổ sung là 1.403.603.280 VNĐ (một tỷ bốn trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn hai trăm tám mươi đồng) là trái với quy định của pháp luật.

Thứ ba, ông C, bà S đã nộp đầy đủ, trước hạn tất cả các nghĩa vụ tài chính có liên quan đến Thửa đất số 656 từ năm 2019:

Như đã trình bày ở trên, khi Ủy ban nhân dân Quận A có quyết định cho phép ông C, bà S chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở vào ngày 09/08/2019, thì Chi cục I đã áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 đúng quy định của pháp luật và ban hành thông báo về số tiền sử dụng đất mà ông C, bà S phải nộp là 3.859.909.020 VNĐ.

Theo đó, ngày 22/11/2019, ông C, bà S đã nộp đầy đủ, trước hạn số tiền sử dụng đất nêu trên, sau khi được Chi cục I xác nhận ông C, bà S đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất, thì ông C, bà S đã tách thửa, chuyển nhượng, tặng cho 09 trong số 15 thửa đất được tách.

Hơn nữa, ông C, bà S không thuộc trường hợp phải nộp bổ sung tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, được bổ sung bởi khoản 7 Điều 2 Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ, thì: *“Trường hợp căn cứ tính tiền sử dụng đất có thay đổi thì cơ quan thuế phải xác định lại tiền sử dụng đất phải nộp, thông báo cho người có nghĩa vụ thực hiện. Trường hợp đang sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất nếu người sử dụng đất đề nghị điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết làm*

phát sinh nghĩa vụ tài chính đất đai (nếu có) thì phải nộp bổ sung tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước”.

Từ những sự phân tích và trình bày ở trên, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H, hủy Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/9/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Quận A- huyện H về việc giải quyết khiếu nại, hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-CT-KN ngày 05/9/2023 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố H về giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với ông Nguyễn Huy C.

Người bị kiện Cục trưởng Cục thuế Thành phố H có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến số 7543/CTTPHCM-NVDTPC ngày 31/7/2024 như sau:

Khoản 1 Điều 108, khoản 4 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 108. Căn cứ, thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Căn cứ tính tiền sử dụng đất:

a) Diện tích đất được giao, được chuyển mục đích sử dụng, được công nhận quyền sử dụng đất;

b) Mục đích sử dụng đất;

c) Giá đất theo quy định tại Điều 114 của Luật này; trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất là giá trúng đấu giá.”

Điều 114. Bảng giá đất và giá đất cụ thể

4. Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.”

Điểm c, điểm d (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định) khoản 3 Điều 3; khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất quy định:

“Điều 3. Căn cứ tính tiền sử dụng đất

3. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất

c) Giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 30 tỷ đồng đối với các thành phố trực thuộc Trung ương; dưới 10 tỷ đồng đối với các tỉnh miền núi, vùng cao; dưới 20 tỷ đồng đối với các tỉnh còn lại áp dụng để xác định tiền sử dụng đất trong các trường hợp:

- Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng cho các trường hợp quy định tại Điểm này.

d. Hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành áp dụng từ ngày 01 tháng 01 hàng năm. Thời điểm khảo sát để xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất đến việc xây được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 hàng năm. Các chi phí liên quan dựng hệ số điều chỉnh giá đất (bao gồm cả chi phí thuê tổ chức tư vấn trong trường hợp cần thiết) được chi từ ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn khảo sát, xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trường hợp tại thời điểm xác định tiền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định thì áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất đã ban hành của năm trước đó để xác định tiền sử dụng đất phải nộp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về việc thất thu ngân sách do chậm ban hành hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có).

Điều 14. Trình tự xác định, thu nộp tiền sử dụng đất

6. Bộ T6 chủ trì phối hợp với Bộ T7 hướng dẫn việc luân chuyển hồ sơ và sự phối hợp giữa cơ quan thuế, tài nguyên và môi trường, tài chính, Kho bạc Nhà nước trong việc xác định, tính và thu nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều này.”

Điều 12 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ trưởng Bộ T6 - Bộ trưởng Bộ T7 Quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất quy định:

“Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan thuế

1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến. Trường hợp phát hiện hồ sơ có sai sót hoặc thiếu căn cứ để xác định nghĩa vụ tài chính thì cơ quan thuế đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai xác định hoặc bổ sung thông tin.

2. Tiếp nhận thông tin về các Khoản người sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp do cơ quan tài chính chuyển đến (nếu có).

3. Xác định và ban hành Thông báo về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo các Mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo các Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T6 hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T6 hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và quy

định của pháp luật về quản lý thuế. Thông báo đơn giá thuê đất theo Mẫu số 02/LCHS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

a) Mỗi loại thông báo lập thành bốn (04) bản để gửi: 01 bản cho người sử dụng đất, 01 bản cho Văn phòng đăng ký đất đai, 01 bản cho Kho bạc nhà nước, 01 bản lưu tại cơ quan thuế.

b) Thời hạn xác định và ban hành Thông báo như sau:

- Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp không có Khoản mà người sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

- Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác định các Khoản mà người sử dụng đất được trừ theo quy định của pháp luật do cơ quan tài chính chuyển đến đối với trường hợp có Khoản mà người sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

- Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 5 Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định:

“Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quyết định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo từng nhóm đối tượng và tùy theo từng khu vực địa bàn quận, huyện và các yếu tố làm tăng, giảm giá đất như sau:

1. Nhóm 1: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất không phải đất ở sang đất ở đối với diện tích đất ở vượt hạn mức, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 30 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, thuộc trường hợp được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất: Hệ số điều chỉnh giá đất là một phẩy năm (1,5) lần giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố Q và công bố.

Điều 3. Trách nhiệm của Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện

3. Cục T, I, huyện có trách nhiệm căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.”.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12/8/2019.”

Khoản 10 Điều 4; khoản 1, 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 quy định:

"Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 10. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 156. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó."

Tại thời điểm xác định tiền sử dụng đất, Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND đã có hiệu lực thi hành. Do đó, Cơ quan Thuế áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND là phù hợp. Quyết định số 50/QĐ-CT-KN được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy C và bà Trương Thị Tuyết S.

Người bị kiện Chi cục trưởng I khu vực Quận A- huyện H và Chi cục thuế khu vực Quận A- huyện H do bà Nguyễn Thị Trung T4 là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Theo Văn bản ý kiến số 5474/CCTKVQ12HM-TBTK ngày 04/6/2024 nội dung như sau:

Ngày 16/8/2019, Chi cục I tiếp nhận Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 34124/PC-CNQ12 ngày 16/8/2019 do Chi nhánh Văn phòng Đ chuyển đến đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất tại thửa đất số 656, tờ bản đồ số 5, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Huy C và bà Trương Thị Tuyết S.

Ngày 19/8/2019, Chi cục I đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1970123-TK0050783/TB-CCT ngày 19/8/2019 với số tiền sử dụng đất phải nộp là 3.859.909.020 đồng.

Ngày 17/12/2019, Chi cục I có Công văn số 3221/CCT-TB&TK gửi Cục Thuế Thành phố H hỏi về việc áp dụng hệ số sử dụng đất đối với trường hợp cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Ngày 07/01/2020, Cục Thuế Thành phố H đã có Công văn số 112/CT-QLĐ về việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, để hướng dẫn và yêu cầu các Chi cục Thuế quận – huyện thực hiện thống nhất theo Công văn số 14511/CT-QLĐ ngày 04/12/2019 của Cục Thuế Thành phố H: *"Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp công nhận quyền sử dụng đất là thời điểm Văn Phòng đăng ký đất đai gửi thông tin địa chính đến cơ quan Thuế"*.

Căn cứ Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực thi hành từ ngày 12/8/2019 có thể hiện nội dung như sau: *"3. Cục Thuế thành phố, C3 cục Thuế quận, huyện có trách nhiệm: Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định."*

Căn cứ Khoản 1 Điều 2, Điều 5 Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định về hệ số điều chỉnh giá đất

năm 2019 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có thể hiện nội dung như sau:
“Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo từng nhóm đối tượng và tùy theo từng khu vực địa bàn quận, huyện và các yếu tố làm tăng, giảm giá đất như sau:

1. Nhóm 1: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất không phải đất ở sang đất ở đối với diện tích đất ở vượt hạn mức, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 30 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ, thuộc trường hợp được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất: Hệ số điều chỉnh giá đất là một phẩy năm (1,5) lần giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố Q và công bố.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2019.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

Căn cứ Khoản 41 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi thành Luật Đất đai:

“41. Bổ sung khoản 4 và khoản 5 vào Điều 63 như sau:

4. Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp công nhận quyền sử dụng đất là thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế.”

Do Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 34124/PC-CNQ12 ngày 16/8/2019 do Chi nhánh Văn phòng Đ chuyển đến Chi cục Thuế ngày 16/8/2019 qua liên thông điện tử, như vậy tại thời điểm tính thu tiền sử dụng đất thì Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2019. Do đó Chi cục Thuế phải có trách nhiệm áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất đã ban hành năm 2019 khi xác định số tiền sử dụng đất phải nộp.

Như vậy, Chi cục I khu vực Quận A - huyện H đã ban hành Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 về việc nộp bổ sung tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Huy C là đúng quy định pháp luật và đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 112/CT-QLĐ ngày 07/01/2020 và Công văn số 14511/CT-QLĐ ngày 04/12/2019 của Cục Thuế Thành phố H.

Về giải quyết khiếu nại lần đầu:

Ngày 19/5/2022 (theo dấu công văn đến số 951 ngày 19/5/2022), Chi cục Thuế khu vực Quận A - huyện H nhận được đơn kiến nghị đề ngày 18/5/2022 của ông Nguyễn Huy C, khiếu nại về việc số tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung 1.403.603.280 đồng theo Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục I khu vực Quận A - huyện H.

Chi cục Thuế đã ban hành Thông báo số 13632/TB-CCTKVQ12HM ngày 27/5/2022 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 29/9/2022, Chi cục I ban hành Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy C (lần đầu) giữ nguyên Thông báo nộp bổ sung tiền sử dụng đất số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục Thuế khu vực Quận A - huyện H, số tiền sử dụng đất còn phải nộp bổ sung là: 1.403.603.280 đồng.

Về giải quyết khiếu nại lần hai:

Ngày 18/10/2022 (theo dấu công văn đến số 54491), Cục Thuế Thành phố H nhận được đơn khiếu nại lần hai không số đề ngày 17/10/2022 của ông Nguyễn Huy C.

Ngày 05/9/2023, Cục Thuế Thành phố H ban hành Quyết định số 50/QĐ-CT-KN về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy C (lần hai) công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy C (lần đầu) số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/9/2022 của Chi cục I khu vực Quận A - huyện H.

Căn cứ các cơ sở pháp lý nêu trên đề nghị Tòa án giữ nguyên Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục I khu vực Quận A- huyện H về việc nộp bổ sung tiền sử dụng đất, số tiền sử dụng đất còn phải nộp bổ sung là: 1.403.603.280 đồng; Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/9/2022 của Chi cục Trưởng Chi cục I khu vực Quận A- huyện H Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy C (lần đầu); Quyết định số 50/QĐ-CT-KN ngày 05/9/2023 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Huy C (lần hai).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 372/2024/HC-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S.

Hủy Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H về việc nộp bổ sung tiền sử dụng đất;

Hủy Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/9/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Huy C (lần đầu);

Hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-CT-KN ngày 05/9/2023 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố H về giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Huy C (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/9/2024, người bị kiện là Chi cục Thuế khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Cục trưởng Cục thuế Thành phố H (nay là Chi cục Trưởng Chi cục thuế khu vực II và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội trưởng Đội Thuế liên huyện Q H) thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H).

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Xét Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H:

[2.1.1] Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013, căn cứ để tính tiền sử dụng đất dựa trên một trong các trường hợp:

+ *Đất được giao;*

+ *Đất được chuyển mục đích sử dụng;*

+ Đất được công nhận quyền sử dụng đất.

[2.1.2] Tại khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất”.

[2.1.3] Tại mục b.1 điểm b khoản 6 Điều 10 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý T3 cũng quy định rằng: “Ngày phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước được xác định đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất là ngày quyết định giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

[2.1.4] Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, thì: “Chuyển từ đất nông nghiệp được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất sang đất ở thì thu tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

[2.1.5] Ngày 09/8/2019, Ủy ban nhân dân Quận A đã ban hành Quyết định số 5102/QĐ-UBND về việc cho phép ông C, bà S được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị (ODT), với diện tích là 1.617,8m² của thửa đất số 656.

[2.1.6] Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên thì thời điểm tính thu tiền sử dụng đất sẽ là ngày 09/08/2019, có nghĩa là trước ngày 12/8/2019 (là ngày Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 có hiệu lực thi hành). Vì vậy, việc Chi cục I áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019, đề yêu cầu ông C, bà S phải nộp thêm khoản tiền sử dụng đất bổ sung là 1.403.603.280 VNĐ (một tỷ bốn trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn hai trăm tám mươi đồng) là trái với quy định của pháp luật.

Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H đã căn cứ khoản 41 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định: “Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp công nhận quyền sử dụng đất là thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế”, để xác định thời điểm tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp của ông C, bà S là ngày Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H nhận được Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính (ngày 16/8/2019) là không đúng quy định pháp luật, bởi vì trường hợp này là chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở theo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất số 5102/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận A (chứ không phải trường hợp được công nhận quyền sử dụng đất).

[2.2]. Xét Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/9/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Huy C (lần đầu), Quyết định số 50/QĐ-CSN ngày 05/9/2023 của

Cục trưởng Cục thuế Thành phố H về giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Huy C (lần hai).

[2.2.1]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành là đúng quy định tại Điều 19, Điều 20 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2.2]. Về nội dung: Như phân tích trên, Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H được ban hành không đúng với quy định pháp luật, nên việc Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H ban hành Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/9/2022 và Cục trưởng Cục thuế Thành phố H ban hành Quyết định số 50/QĐ-CSN ngày 05/9/2023 bác khiếu nại của ông Nguyễn Huy C cũng là không có căn cứ.

[2.3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà S, hủy Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H; hủy Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/9/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H và hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-CT-KN ngày 05/9/2023 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố H là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H), giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Chi cục Thuế khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H) phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H). Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 372/2024/HC-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 108 Luật Đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Thuế; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S.

Hủy Thông báo số 13053/TB-CCTKVQ12HM ngày 23/5/2022 của Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H về việc nộp bổ sung tiền sử dụng đất;

Hủy Quyết định số 08/QĐ-CCT-KN ngày 29/9/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Huy C (lần đầu);

Hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-CT-KN ngày 05/9/2023 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Huy C (lần hai).

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Cục trưởng Cục thuế Thành phố H (nay là Chi cục Trưởng Chi cục thuế khu vực I), Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Đội Thuế liên huyện Q H) và Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Quận A - huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Đội trưởng Đội Thuế liên huyện Q H) mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Huy C, bà Trương Thị Tuyết S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0032860 ngày 16/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Chi cục I khu vực Quận A - huyện H (nay là Đội Thuế liên huyện Q H) phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0041505 ngày 15/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy